TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THIỆU HÓA
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 15/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 6 - 2020
V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THIỆU HÓA, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Văn Đạt –Thẩm phán.
Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Minh Nhân.
2. Ông Lê D Tấn.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Phùng Thị Tố Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa tham gia phiên tòa*:** Không.

Ngày 26 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ thục thông thường vụ án thụ lý số: 16/2020/TLST - HNGĐ ngày 05/02/2020 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 13/5/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2020/QĐST-HNGĐ ngày 29/5/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1978;

Nơi đăng ký HKTT: Thôn TH, xã TH, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Nơi ở hiện nay: Thôn A, xã TP, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Chị T vắng mặt tại phiên tòa (Có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Lương H, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Thôn TH, xã TH, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Anh H vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI D1 VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 10/01/2020, bản tự khai ngày 05/02/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Hoàng Thị T trình bày:

Giữa nguyên đơn và bị đơn là anh Nguyễn Lương H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thọ Phú, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 24/7/2009. Quá trình chung sống vợ chồng hòa Tận hạnh phúc đến năm 1998 thì phát sinh mâu Tẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp về tính tình, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên sảy ra cãi vả, từ tháng 12/2016 vợ chồng đã ly thân. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn

nhân không đạt được, chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Lương H..

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Trí D, sinh ngày 28/7/1997; Nguyễn Trúc L, sinh ngày 10/9/1995 và Nguyễn Thị D1, sinh ngày 29/01/2003, hiện cháu D và cháu L đã thành niên; Ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị D1 không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 10/02/2020 bị đơn anh Nguyễn Lương H trình bày: Anh Nguyễn Lương H và chị Lê Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thọ Phú, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 24/7/2009. Quá trình chung sống hạnh phúc được 20 năm (thực tế vợ hai bên sống chung như vợ chồng từ năm 1994 nhưng đến năm 2009 mới đi đăng ký kết hôn). Năm 2015 vợ chồng mâu Tẫn chị Hoàng Thị T bỏ nhà đi vợ chồng ly thân nhau từ đó. Nay chị T xin ly hôn, vợ chồng tình cảm không còn anh đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung*:* Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Trí D, sinh ngày 28/7/1997; Nguyễn Trúc L, sinh ngày 10/9/1995 và Nguyễn Thị D1, sinh ngày 29/01/2003, hiện cháu D và cháu L đã thành niên, anh đồng ý giao cháu D1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị T.

Về tài sản và công nợ: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy;

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Lương H đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hòa giải nhưng anh H không đến để tham gia phiên hòa giải, chị T đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải đây là trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Lương H đã được thông báo và triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, chị Hoàng Thị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt do đó căn cứ vào điển c khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị T và anh H.

[2]. Về hôn nhân: Chị Hoàng Thị T và anh Nguyễn Lương H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và không vi phạm các điều cấm của luật hôn nhân gia đình như vậy là hôn nhân hợp pháp. Thấy rằng quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến cuối năm 2015 đầu năm 2016 phát sinh mâu Tẫn, nguyên nhân do không hợp tính tình, chị T bỏ đi làm ăn hai bên ly thân từ đó, hai bên đều có nguyện vọng được ly hôn. Mặc dù Tòa án đã thông báo tiến hành phiên hòa giải và 02 lần mở phiên tòa nhưng anh H vắng mặt, điều đó chứng tỏ anh H cũng không thiết tha, níu kéo; Chị T đã bỏ về bên ngoại ở và đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nữa, mâu Tẫn cũng đã kéo dài được hai bên thừa nhận, điều này

chứng tỏ cuộc sống vợ chồng đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 điều 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị T được ly hôn anh H là phù hợp.

[3]. Về con chung: Chị T và anh H đều khai nhận vợ chồng có Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Trí D, sinh ngày 28/7/1997; Nguyễn Trúc L, sinh ngày 10/9/1995 và Nguyễn Thị D1, sinh ngày 29/01/2003; Chị T xuất trình cho Tòa án bản sao giấy khai sinh của cháu D, cháu L và cháu D1 có ghi họ tên mẹ là chị Hoàng Thị T, họ tên bố là Nguyễn Lương H; Như vậy đủ cơ sở khẳng định các cháu D, cháu L và cháu D1 là con chung của chị T và anh H. Hiện cháu D và cháu L đã Thành niên, tự lập được, cháu D1 có nguyện vọng được ở với chị T. Nên chấp nhận yêu cầu của chị T giao cháu D1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp; Ghi nhận ý kiến của chị T, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

[4]. Về tài sản và công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên miễn xét.

[5]. Về án phí: Chị T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1, Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điều 6, Điều 9; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Hoàng Thị T được ly hôn anh Nguyễn Lương H.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Thị D1, sinh ngày 29/01/2003 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận ý kiến của chị T, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

Anh H có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị T phải chịu tiền án phí sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000đ*(Ba trăm nghìn đồng)* được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ*(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai T tiền số AA/2017/0005648 ngày 05/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thiệu Hóa, chị T đã nộp đủ án phí.

Tr□ờng hợp bản án đ□ợc thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì ng□ời phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c□ỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ□ợc thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị T, anh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Thiệu Hóa;*
- *TAND tỉnh Thanh Hóa;*
- *Thi hành án dân sự (để thi hành);*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hoàng Văn Đạt

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê D Tấn **Lê Minh Nhân** **Hoàng Văn Đạt**